

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v ban hành Quy chế quản lý nợ  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN  
(CHOLIMEX)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) phê duyệt ngày 15/4/2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) phê duyệt ngày 15/4/2021;

Căn cứ Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) phê duyệt ngày 15/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CHOLIMEX-HĐQT ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế quản lý nợ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex), gồm có 05 Chương, 19 Điều.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 13/QĐ-CHOLIMEX-HĐQT ngày 03/7/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về ban hành Quy chế quản lý nợ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Phòng/Ban chức năng, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex); Công ty con, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT-TK.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Thanh Nhân**



**QUY CHẾ QUẢN LÝ NỢ**

**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU**  
**VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2021

## MỤC LỤC

<b>Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	1
Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng .....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ .....	1
Điều 3. Nguyên tắc về quản lý và xử lý nợ .....	2
<b>Chương II. QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU</b> .....	3
Điều 4. Phân loại nợ phải thu .....	3
Điều 5. Trình tự thực hiện thu hồi nợ phải thu .....	4
Điều 6. Trình tự xử lý nợ không có khả năng thu hồi .....	5
Điều 7. Thẩm quyền xử lý nợ phải thu .....	7
<b>Chương III. QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ</b> .....	7
Điều 8. Phân loại nợ phải trả .....	7
Điều 9. Quản lý nợ phải trả .....	8
Điều 10. Xử lý nợ không có khả năng thanh toán .....	8
<b>Chương IV. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NỢ</b> .....	8
Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị .....	8
Điều 12. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc .....	8
Điều 13. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng xử lý nợ .....	9
Điều 14. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Tài chính - Kế toán .....	9
Điều 15. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc các phòng chức năng và đơn vị trực thuộc trong quản lý nợ .....	9
Điều 16. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty con .....	10
Điều 17. Quy định về việc báo cáo .....	10
<b>Chương V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b> .....	10
Điều 18. Sửa đổi, bổ sung .....	10
Điều 19. Hiệu lực thi hành .....	11



**QUY CHẾ QUẢN LÝ NỢ**  
**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-CHOLIMEX-HĐQT ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex))

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế Quản lý nợ Công ty quy định việc quản lý nợ, xử lý các khoản nợ tồn đọng của Công ty; quyền hạn và trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong quản lý và xử lý nợ.

2. Quy chế này được áp dụng tại Công ty, công ty con, các đơn vị trực thuộc và các cá nhân khác có liên quan trong quản lý nợ.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Công ty*” là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex);

2. “*Công ty con*” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó;

b) Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp đó;

c) Công ty có quyền quyết định việc sửa đổi bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. “*Đơn vị trực thuộc*” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty, bao gồm văn phòng đại diện, chi nhánh và tương đương của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định thành lập.

4. “*Nợ tồn đọng*” là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán, Công ty đã áp dụng các biện pháp như đối chiếu xác nhận, đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được và các khoản nợ phải trả đã quá thời hạn thanh toán nhưng Công ty vẫn chưa có khả năng trả nợ.

5. “*Nợ phải thu khó đòi*” là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán trên 6 tháng (thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác tính theo thời hạn trả nợ ban đầu, không kể thời gian gia hạn trả nợ), Công ty đã áp dụng các biện pháp như đối chiếu xác nhận, đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc là các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ là tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục

giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

6. “Nợ không có khả năng thu hồi” là các khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán hoặc chưa đến thời hạn thanh toán thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành việc giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động đang làm thủ tục phá sản đã có quyết định mở thủ tục phá sản của tòa án và không có khả năng chi trả, không có người kế thừa nghĩa vụ trả nợ;

c) Khách nợ là cá nhân đã chết, mất tích, cá nhân còn sống nhưng không còn khả năng lao động hoặc mất năng lực hành vi dân sự, hoặc người thừa kế theo luật nhưng không có khả năng chi trả;

d) Khách nợ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật;

đ) Khoản chênh lệch còn lại của các khoản nợ không thu hồi được sau khi đã xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể phải bồi thường vật chất;

e) Các khoản nợ phải thu mà dự toán chi phí đòi nợ lớn hơn giá trị khoản nợ phải thu;

g) Các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 01 năm trở lên, tuy khách nợ còn tồn tại, đang hoạt động nhưng kinh doanh thua lỗ liên tục từ 3 năm trở lên và quá khó khăn, hoàn toàn không có khả năng thanh toán, Công ty đã tích cực áp dụng các biện pháp nhưng vẫn không thu được nợ;

h) Các khoản nợ phải thu đã khởi kiện Tòa án, chuyển thi hành án, Công ty đã tích cực áp dụng các biện pháp thu hồi sau 02 năm kể từ khi chuyển thi hành án vẫn chưa thu hồi được, Hội đồng xử lý nợ thống nhất bằng văn bản xác định nợ không có khả năng thu hồi hoặc có văn bản của cơ quan thi hành án về việc khách hàng chưa có điều kiện thi hành án

i) Các khoản nợ phải thu nợ đã quá hạn trên 10 năm, có văn bản xác nhận không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh hoặc có văn bản xác nhận của Cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh về việc đối tượng nợ không còn thông tin tại Cổng thông tin điện tử quốc gia.

k) Các khoản nợ phải thu đã quá hạn trên 10 năm có văn bản xác nhận của Hội đồng xử lý nợ về việc đối tượng nợ không có đầy đủ hồ sơ pháp lý.

7. “Nợ không có khả năng thanh toán” là các khoản nợ đến hạn và quá hạn mà Công ty không có khả năng trả cho chủ nợ theo đúng hợp đồng đã cam kết.

### **Điều 3. Nguyên tắc về quản lý và xử lý nợ**

1. Quy chế quản lý nợ làm cơ sở để xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ; đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đơn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này và các văn bản có liên quan.

2. Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi hoặc nợ không có khả năng thu hồi, trước hết, Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng theo quy định và tìm mọi biện

pháp xử lý thu hồi nợ, cùng chia sẻ khó khăn giữa chủ nợ, khách nợ để xử lý thông qua các hình thức khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ, mua bán nợ.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và cổ đông về việc thực hiện quản lý nợ của toàn Công ty theo Quy chế này.

4. Tổng Giám đốc Công ty con, Giám đốc các Đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về công tác quản lý nợ tại đơn vị mình.

5. Đối với các khoản nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết cho từng loại nguyên tệ, quy đổi ra đồng Việt Nam tại thời điểm phát sinh nợ, tỷ giá quy đổi theo quy định hiện hành của Nhà nước. Khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư nợ phải thu, nợ phải trả cuối năm tài chính được xử lý theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU**

#### **Điều 4. Phân loại nợ phải thu**

##### **1. Phải thu khách hàng:**

a) Nợ phải thu khách hàng được xác định khi chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa và cung cấp dịch vụ được thực hiện giữa Công ty với người mua hoặc đã xuất hóa đơn;

b) Đối với những khách hàng mua hàng hoá, dịch vụ, khi giao hàng, cung cấp dịch vụ Công ty phải thu tiền của khách hàng. Trường hợp khách hàng trả chậm phải được ký hợp đồng kinh tế trước khi thực hiện giao dịch mua bán và cung cấp dịch vụ, quy định rõ hạn mức nợ, thời hạn nợ;

c) Giám đốc đơn vị trực thuộc, Giám đốc các phòng chức năng chịu trách nhiệm thẩm định năng lực tài chính và khả năng thanh toán của khách hàng nhằm áp dụng hạn mức nợ và thời gian nợ đối với từng khách hàng, trước khi trình Tổng Giám đốc quyết định bán hàng trả chậm. Đối với những khoản nợ phát sinh thường xuyên, thời gian nợ không quá 30 ngày kể từ ngày phát sinh nợ;

d) Đối với các khoản phải thu cổ tức hoặc lợi nhuận được chia từ các đơn vị có vốn góp của Công ty, trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác có liên quan, Người đại diện vốn của Công ty có trách nhiệm theo dõi, yêu cầu để thu đầy đủ các khoản phải thu đúng thời gian quy định;

đ) Phải thu tiền ứng trước cho nhà cung cấp, ứng trước cho nhà thầu theo hợp đồng xây dựng: Nhân viên phụ trách phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán giám sát chặt chẽ việc thanh toán, thu hồi tiền ứng và giữ lại tỷ lệ phần trăm theo đúng hợp đồng.

##### **2. Tạm ứng, thanh toán tạm ứng:**

a) Người nhận tạm ứng phải là cán bộ nhân viên thuộc Công ty.

b) Người nhận tạm ứng phải chịu trách nhiệm về số tiền đã nhận tạm ứng và sử dụng tạm ứng theo đúng nội dung công việc đã được phê duyệt. Người nhận tạm ứng không được chuyển số tiền tạm ứng cho người khác sử dụng. Chậm nhất sau 10 ngày hoàn thành công việc được giao, người nhận tạm ứng phải lập bảng thanh toán tạm ứng kèm theo toàn bộ chứng từ chuyển về Phòng Tài chính – Kế toán để thanh toán và thu hồi tạm ứng.

c) Người nhận tạm ứng phải thanh toán dứt điểm khoản tạm ứng kỳ trước mới được nhận tạm ứng kỳ sau.

d) Các cá nhân còn số dư tạm ứng chưa thanh toán thời điểm 31 tháng 12 hằng năm, phải đối chiếu ký xác nhận.

### 3. Phải thu nội bộ:

a) Các khoản phải thu nội bộ giữa Công ty với công ty con và các đơn vị trực thuộc, bao gồm: Nợ đầu tư, nợ luân chuyển...

b) Định kỳ (quý/năm), nhân viên phụ trách nợ phải thực hiện đối chiếu nợ. Khi đối chiếu, nếu có chênh lệch, phải xác định nguyên nhân để điều chỉnh kịp thời sổ sách kế toán.

### 4. Phải thu khác:

Các khoản phải thu khác là các khoản nợ phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa phản ánh ở các khoản phải thu đã nêu, gồm:

a) Giá trị tài sản thiếu đã được phát hiện chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý;

b) Các khoản phải thu về bồi thường vật chất do cá nhân, tập thể (trong hoặc ngoài đơn vị) gây ra như mất mát, hư hỏng vật tư, hàng hóa, tiền vốn... đã được xử lý bất bồi thường;

c) Các khoản phải thu khác.

## **Điều 5. Trình tự thực hiện thu hồi nợ phải thu**

### 1. Thu hồi nợ phải thu trong hạn

Kế toán theo dõi nợ phải thu thực hiện nhắc nợ đối với khách hàng, phối hợp với nhân viên có liên quan thực hiện thu nợ theo thỏa thuận.

### 2. Thu hồi nợ phải thu quá hạn

Các khoản nợ quá hạn phải thực hiện thu hồi theo trình tự sau đây:

a) Khi phát sinh nợ quá hạn, Kế toán theo dõi nợ lập báo cáo theo Khoản 1 Điều 18 Quy chế này và tiếp tục đôn đốc khách hàng thanh toán nợ;

b) Giám đốc Tài chính - Kế toán hoặc Kế toán trưởng đơn vị trực thuộc tiến hành kiểm tra việc đôn đốc thu hồi nợ của kế toán theo dõi nợ, làm việc trực tiếp với khách hàng về việc thanh toán nợ;

c) Giám đốc đơn vị trực thuộc hoặc Giám đốc phòng chức năng có liên quan đến phát sinh nợ quá hạn, chủ động phối hợp với Tổ thu hồi nợ tìm mọi biện pháp thu hồi;

d) Tổ thu hồi nợ do Tổng Giám đốc quyết định thành lập, thực hiện chức năng nhiệm vụ theo sự phân công của Tổng Giám đốc. Sau 6 tháng kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, Tổ thu hồi nợ đã tìm mọi biện pháp nhưng vẫn không thu hồi hết nợ thì chuyển hồ sơ đến Hội đồng xử lý nợ.

### 3. Thu hồi nợ phải thu khó đòi

Tổng Giám đốc thành lập Hội đồng xử lý nợ. Thành phần Hội đồng bao gồm: Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính – Kế toán, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Giám đốc các phòng chức năng, Kế toán trưởng đơn vị trực thuộc, nhân viên pháp chế và các

nhân viên khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc. Sau khi tiếp nhận hồ sơ nợ phải thu khó đòi từ Tổ thu hồi nợ, Hội đồng xử lý nợ thực hiện theo trình tự sau:

a) Xem xét việc bán nợ hoặc khởi kiện đối tượng nợ:

Hội đồng xử lý nợ xem xét phương án bán nợ trên các cơ sở sau:

Chọn tổ chức thẩm định có chức năng và nằm trong danh sách công bố hằng năm của Bộ Tài chính để thực hiện thẩm định giá khoản nợ cần bán; trên cơ sở giá thẩm định, tiến hành tổ chức chào bán công khai. So sánh hiệu quả giữa phương án bán nợ với phương án không bán nợ và khởi kiện, đề xuất Tổng Giám đốc phương án thu hồi nợ phải thu khó đòi và trình toàn bộ hồ sơ có liên quan.

b) Trường hợp chọn phương án bán nợ, Tổng Giám đốc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quy định tại Điều 7 Quy chế này và tổ chức thực hiện việc bán nợ theo quy định.

c) Trường hợp chọn phương án khởi kiện, Tổng Giám đốc phân công Hội đồng xử lý nợ thực hiện: Rà soát hồ sơ nợ về sự đầy đủ tính pháp lý, tham mưu văn bản khởi kiện đối tượng nợ theo hợp đồng đã ký kết, cung cấp hồ sơ cho cơ quan giải quyết vụ kiện, chủ trì phối hợp giữa bộ phận phát sinh nợ, các phòng ban chức năng cho đến khi vụ kiện có kết quả.

d) Xác định kết quả thu hồi nợ

Sau khi có kết quả thu hồi tiền từ khởi kiện hoặc bán nợ, Hội đồng xử lý nợ xác định khoản nợ phải thu khó đòi chưa thu hồi được. Các khoản nợ này được tiếp tục xử lý theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

## **Điều 6. Trình tự xử lý nợ không có khả năng thu hồi**

1. Nguyên tắc:

Hội đồng xử lý nợ có trách nhiệm xác định giá trị của từng khoản nợ phải thu, giá trị nợ đã thu hồi, giá trị thiệt hại thực tế sau khi đã trừ đi các khoản đã thu hồi, xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan:

a) Đối với khoản nợ phát sinh do nguyên nhân chủ quan, Hội đồng xử lý nợ có trách nhiệm xác định mức bồi thường của từng tập thể, cá nhân có liên quan (cụ thể giá trị bồi thường, thời hạn bồi thường và biện pháp thực hiện).

b) Đối với khoản nợ phát sinh do nguyên nhân khách quan, Hội đồng xử lý nợ xác định các khoản nợ có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thì được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi, nếu còn thiếu hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

2. Hồ sơ:

a) Biên bản xử lý nợ có sự thống nhất của ít nhất 2/3 thành viên của Hội đồng xử lý nợ, biên bản phải ghi rõ giá trị của từng khoản nợ, tất cả các thông tin có liên quan đến khoản nợ được xử lý.

b) Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được; đến thời điểm xử lý nợ Công ty đang hạch toán nợ phải thu trên sổ sách kế toán của Công ty; Các tài liệu: Hợp đồng kinh tế; khế ước vay nợ; cam kết nợ; bản thanh lý hợp đồng (nếu có); biên bản đối chiếu công nợ (nếu có); văn bản đề nghị đối chiếu công nợ hoặc văn bản đòi nợ do Công ty đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát); bảng kê nợ và các chứng từ khác có liên quan.



c) Quy định đối với khách nợ là tổ chức kinh tế

Ngoài thành phần hồ sơ quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này; hồ sơ xử lý nợ đối với tổ chức Kinh tế phải có:

- Trường hợp đã phá sản: Quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản.

- Trường hợp đã ngừng hoạt động, giải thể, bỏ trốn: Xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan thuế quản lý trực tiếp xác nhận về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động, giải thể, bỏ trốn.

- Trường hợp đã được Công ty khởi kiện ra tòa theo quy định: Bản án, quyết định của tòa và có ý kiến xác nhận của cơ quan thi hành án về việc khách nợ không có tài sản hoặc giá trị tài sản không đủ để thi hành án.

- Trường hợp các khoản nợ đã trích lập dự phòng trên 03 năm, đã khởi kiện Tòa án, chuyển thi hành án, Công ty đã tích cực áp dụng các biện pháp thu hồi, sau 02 năm kể từ khi chuyển thi hành án vẫn chưa thu hồi được: Văn bản của Hội đồng xử lý nợ xác định nợ không có khả năng thu hồi hoặc văn bản của cơ quan thi hành án về việc khách hàng chưa có điều kiện thi hành án.

- Trường hợp các khoản nợ đã trích lập dự phòng trên 03 năm, có nợ quá hạn trên 10 năm: có văn bản xác nhận không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh hoặc có văn bản xác nhận của Cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh về việc đối tượng nợ không còn thông tin tại Cổng thông tin điện tử quốc gia hoặc Văn bản xác nhận của Hội đồng xử lý nợ về việc đối tượng nợ không có đầy đủ hồ sơ pháp lý.

- Trường hợp đã ngừng hoạt động, đang làm thủ tục phá sản và không có khả năng chi trả, không có người kế thừa nghĩa vụ trả nợ: Quyết định mở thủ tục phá sản của tòa án.

d) Quy định đối với khách nợ là cá nhân

Ngoài thành phần hồ sơ quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này; hồ sơ xử lý nợ đối với cá nhân phải có một trong các tài liệu sau: Giấy chứng tử (bản sao) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ đã chết nhưng không có tài sản thừa kế để trả nợ; giấy xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ còn sống hoặc đã mất tích nhưng không có khả năng trả nợ; lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với người nợ đã bỏ trốn hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án và xác nhận của chính quyền địa phương về việc khách nợ hoặc người thừa kế không có khả năng chi trả.

đ) Trường hợp các đối tượng nợ ở nước ngoài: Văn bản xác nhận của Hội đồng xử lý nợ về việc chi phí dự kiến đòi nợ lớn hơn giá trị khoản nợ phải thu.

3. Xử lý nợ:

a) Hội đồng xử lý nợ căn cứ Biên bản xác định nợ không có khả năng thu hồi phát sinh do nguyên nhân chủ quan đề đề xuất Tổng Giám đốc thực hiện xử lý theo Điểm a Khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

b) Hội đồng xử lý nợ căn cứ Biên bản xác định nợ không có khả năng thu hồi phát sinh do nguyên nhân khách quan đề đề xuất Tổng Giám đốc thực hiện xử lý theo Điểm b Khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

c) Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, vẫn phải theo dõi theo quy định của chế độ kế toán hiện hành kể từ ngày thực hiện xử lý và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ.

### **Điều 7. Thẩm quyền xử lý nợ phải thu**

Stt	Nội dung quyết định	Căn cứ BCTC hợp nhất đã kiểm toán gần nhất	Thẩm quyền quyết định		
			Tổng Giám đốc	Hội đồng quản trị	Đại hội đồng cổ đông
1.	Giá trị số nợ cần xử lý	Giá trị (đồng)	< 1 tỷ	≥ 1 tỷ	
		Tổng giá trị tài sản		< 35%	≥ 35%
2.	Giá trị số nợ cần bán	Giá trị (đồng)	< 1 tỷ	≥ 1 tỷ	
		Tổng giá trị tài sản		< 35%	≥ 35%

## **Chương III**

### **QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ**

#### **Điều 8. Phân loại nợ phải trả**

##### 1. Phải trả người bán:

Là khoản phải trả phát sinh do việc Công ty thực hiện các giao dịch mua sắm tài sản, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ,... chưa trả cho người bán.

##### 2. Người mua trả tiền trước:

Cơ sở ghi nhận là số tiền nhận trả trước của khách hàng theo hợp đồng hoặc thỏa thuận.

##### 3. Thuế và khoản phải nộp nhà nước:

Bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế đất và tiền thuê đất, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn.

##### 4. Khoản phải trả về tiền lương, tiền công.

##### 5. Khoản phải trả về khen thưởng, phúc lợi.

##### 6. Các khoản nợ vay.

##### 7. Doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ;

##### 8. Phải trả khác:

a) Các khoản nợ phải trả nội bộ giữa Công ty và các Công ty con hoặc đơn vị trực thuộc;

b) Giá trị tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân, còn chờ quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền;

c) Các khoản phải trả khác.

### **Điều 9. Quản lý nợ phải trả**

1. Công ty thực hiện phân công và xác định rõ trách nhiệm trong việc mở sổ, theo dõi, thanh toán các khoản nợ phải trả;

2. Xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ; thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết.

3. Công ty phải đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không vượt quá 03 lần.

### **Điều 10. Xử lý nợ không có khả năng thanh toán**

Nợ không có khả năng thanh toán khi đến hạn, Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện:

1. Xây dựng phương án giải quyết nợ.

2. Thương lượng với chủ nợ và nhận được sự đồng ý về phương án.

3. Báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định.

## **Chương IV**

### **QUYỀN HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NỢ**

#### **Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

1. Ban hành Quy chế quản lý nợ.

2. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý nợ và các quyết định thuộc thẩm quyền phân cấp tại Điều 7 Quy chế này.

#### **Điều 12. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

1. Ban hành các quy định quản lý nội bộ, các quy trình nghiệp vụ có liên quan để thực hiện Quy chế quản lý nợ.

2. Chỉ đạo việc quản lý, thu hồi các khoản nợ phải thu, thanh toán các khoản nợ phải trả đúng hạn.

3. Là Chủ tịch hội đồng xử lý nợ.

4. Chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền xử lý nợ về việc theo dõi và trình xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 7 quy chế này.

5. Định kỳ 6 tháng/năm thực hiện đánh giá, phân loại các khoản nợ, đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ, đề xuất các biện pháp xử lý khi phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi.

6. Trường hợp không cân đối được dòng tiền để trả các khoản nợ đến hạn, Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý.

### **Điều 13. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng xử lý nợ**

1. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về việc thu hồi nợ phải thu khó đòi và xử lý nợ không có khả năng thu hồi.

2. Yêu cầu các Phòng chức năng Công ty, công ty con và các đơn vị trực thuộc cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc rà soát, tổng hợp, đánh giá, giải trình với Tổ chức thụ lý vụ kiện liên quan đến các khoản nợ phải thu khó đòi và nợ không có khả năng thu hồi.

3. Đề xuất Tổng Giám đốc về việc xử lý nợ trên cơ sở các quy định có liên quan.

4. Chịu trách nhiệm về các kết quả xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan phát sinh nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi; đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong việc đưa ra mức bồi thường của của từng tập thể, cá nhân có liên quan đến việc phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi do nguyên nhân chủ quan; đảm bảo thu hồi đầy đủ các khoản thiệt hại của Công ty.

### **Điều 14. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Tài chính - Kế toán**

1. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về việc theo dõi quản lý nợ theo quy định tại Quy chế quản lý nợ và các văn bản có liên quan.

2. Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc giao định mức nợ; đề xuất các biện pháp đảm bảo thu hồi nợ, các quy trình nghiệp vụ có liên quan đến quản lý nợ.

3. Cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ, có trách nhiệm phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có đề xuất giải pháp khắc phục kịp thời.

4. Đề xuất Tổng Giám đốc phân công các đơn vị trực thuộc, các Phòng chức năng có liên quan tham gia Hội đồng xử lý nợ, báo cáo và cung cấp hồ sơ liên quan đến nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi.

5. Định kỳ 6 tháng/năm lập báo cáo nợ, thực hiện đánh giá, phân loại các khoản nợ, đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ, đề xuất các biện pháp xử lý khi phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi trình Tổng Giám đốc.

6. Hướng dẫn Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc, Kế toán theo dõi nợ làm tốt công tác quản lý nợ theo chức năng nhiệm vụ.

7. Yêu cầu các bộ phận liên quan trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc quản lý nợ, phối hợp với phòng Nhân sự - Hành chính lưu trữ các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tất cả các khoản nợ đã giải quyết của Hội đồng xử lý nợ.

### **Điều 15. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc các phòng chức năng và đơn vị trực thuộc trong quản lý nợ**

1. Phối hợp cùng phòng Tài chính - Kế toán trong việc đôn đốc thu hồi nợ, đôn đốc - cán bộ nhân viên thuộc thẩm quyền quản lý thanh toán tạm ứng đúng thời gian quy định, tham gia Hội đồng xử lý nợ và thực hiện các công việc theo yêu cầu có liên quan đến quản lý nợ.

2. Chịu trách nhiệm nếu để xảy ra nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi tại lĩnh vực mình phụ trách.

## **Điều 16. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty con**

1. Tham mưu xây dựng Quy chế quản lý nợ Công ty con trình Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.
2. Chịu trách nhiệm về việc quản lý nợ, các khoản nợ phải thu khó đòi và không có khả năng thu hồi phát sinh tại đơn vị.

## **Điều 17. Quy định về việc báo cáo**

1. Đối với các bộ phận trực tiếp phát sinh nợ.

Kế toán theo dõi nợ hoặc nhân viên phụ trách kinh doanh, nhân viên theo dõi hợp đồng... lập báo cáo cho cấp quản lý trực tiếp ngay khi phát sinh khoản nợ quá hạn (về thời hạn nợ hoặc số tiền nợ), nợ tạm ứng đến hạn chưa quyết toán hoặc tạm ứng sử dụng không hết cần thu hồi, nợ phải trả đã đến hạn thanh toán, các vấn đề khác có liên quan đến nợ.

2. Giám đốc Tài chính – Kế toán Công ty

Thực hiện báo cáo Tổng Giám đốc theo Khoản 5 Điều 14 Quy chế này về tình hình biến động toàn bộ nợ và đề xuất biện pháp giải quyết (nếu có).

3. Tổng Giám đốc Công ty

Báo cáo Hội đồng quản trị:

- a) Các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi vượt quá thẩm quyền quyết định.
- b) Báo cáo tổng hợp nợ theo Khoản 5 điều 12 Quy chế này.
- c) Các khoản nợ phải trả không cân đối được dòng tiền theo Điều 10 và Khoản 6 điều 12 Quy chế này.

4. Công ty con và các đơn vị trực thuộc.

Thực hiện báo cáo gửi về phòng Tài chính – Kế toán:

- a) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Công ty;
- b) Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về nợ phải trả gồm nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán, báo cáo nộp cùng thời điểm với báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về nợ phải thu gồm nợ khó đòi và nợ không có khả năng thu hồi, báo cáo nộp cùng thời điểm với báo cáo tài chính;
- d) Đề xuất kiến nghị xử lý các khoản phải thu, phải trả (nếu có);
- đ) Tất cả các báo cáo theo khoản 4 này được thể hiện bằng văn bản và file dữ liệu.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **Điều 18. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, Hội đồng quản trị có thể xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế quản lý tài chính của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 05 chương, 19 Điều, có hiệu lực từ ngày được Hội đồng quản trị ký ban hành.
2. Những nội dung khác có liên quan đến quản lý và xử lý nợ, nếu chưa đề cập trong Quy chế này, sẽ thực hiện theo các quy định có liên quan của nhà nước, theo Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính và các văn bản khác của Công ty.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế này./.